TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/HS-ST

Ngày: 05/9/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Thanh Cảnh, ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Lệ Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Vân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 và 05/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2025/TLST-HS ngày 26/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HS ngày 07/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Trần K,** sinh năm 1979 tại tỉnh QN; Nơi thường trú: phường ĐB, quận BĐ (nay là phường BĐ), thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: phường VT, quận HBT (nay là phường VH), thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng S (đã chết) và bà Hồ Hồng Đ (đã chết); Có vợ Đinh Diệu H và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đình P**, sinh năm 1972, tại huyện BT, tỉnh QB; Nơi cư trú: Thôn MH, xã ĐT, huyện BT, tỉnh QB (nay là xã ĐT, tỉnh QT); Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: lớp 08/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ2; Có vợ Nguyễn Thị Hồng T và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 10/9/2020, Nguyễn Đình P bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài"* tại Bản án số 53/2020/HSST, chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 26/5/2022, bị cáo đã

được xóa án tích theo Quyết định xóa án tích số 01/2023/QĐ-CA ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2024 đến 06/5/2024 được tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990, địa chỉ: Xã HC, thành phố V (nay là phường TV), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị L, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn TK, xã HT, huyện HN (nay là xã HN), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Trần Thị T3, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm ML, xã HĐ, thành phố V (nay là phường VH), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn G (sinh năm 1984, trú tại thôn PM, xã NM, huyện QO, thành phố Hà Nội) có mối quan hệ quen biết và làm ăn với Nguyễn Đình P nên biết được P có thể đưa người đi lao động ở các nước Châu Âu và Mỹ. Đầu năm 2023, Nguyễn Văn G hỏi P có khách đi Mỹ thì có làm được không nên Nguyễn Đình P liên hệ với Trần K để hỏi Trần K về việc đưa người đi Mỹ thì Trần K nhận lời.

Cũng trong thời gian này Nguyễn Văn G có bạn là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990, trú tại xã HC, thành phố V, tỉnh Nghệ An và một người tên T4 ở Huế có nhu cầu đi Mỹ lao động. G đã hỏi Nguyễn Đình P về việc làm thủ tục đi Mỹ như thế nào và chi phí hết bao nhiêu. Nguyễn Đình P liên hệ với Trần K, K nói sẽ làm cho khách của P đi Mỹ lao động bằng cách xin Visa du lịch. Sau đó, Trần K đã chủ động liên lạc với một người đàn ông tên H2 (người Nghệ An, đang sống tại Cộng hòa liên bang Đức) để đặt vấn đề đưa người đi Mỹ lao động. H2 đã nhận lời làm cho khách đi Mỹ định cư lao động theo cách xin visa du lịch Colombia sau đó đi bằng đường bộ sang Panama và Mexico rồi vượt biên sang Mỹ, chi phí đi từ Việt Nam sang Mỹ hết tổng 42.000 USD (Bốn mươi hai nghìn đô la Mỹ), tiền được nộp theo giai đoạn, khi có visa và vé máy bay nộp 5.000 USD, nhập cảnh vào Colombia nộp thêm 5.000 USD, đến Mexico nộp 20.000 USD, còn khi đến Mỹ và được ở lại thì người nhà sẽ nộp đủ số tiền còn lại. Hồ sơ giấy tờ cần: căn cước công dân (CCCD), giấy khai sinh, hộ chiếu gốc, ảnh 4x6, số tài khoản ngân hàng của người đi. Mọi thủ tục làm hồ sơ xin Visa và tổ chức cho các lao động sang Mỹ do H2 chịu trách nhiệm. Khi công dân nhập cảnh thành công vào Mỹ là H2 hết trách nhiệm. Sau khi thống nhất với H2 thì Trần K tư vấn cho Nguyễn Đình P gói đi Mỹ như trên và nâng chi phí lên 43.000 USD/khách. P tư vấn lại cách thức đi Mỹ cho Nguyễn Văn G như Trần K đã tư vấn và nâng giá lên từ 43.000 USD/khách thành 48.000 USD/khách để hưởng lợi.

Nguyễn Văn G báo lại cho Nguyễn Thị T2 và T4 biết nội dung về cách thức đi như trên và nâng giá lên 55.000 USD thì T2, T4 đồng ý. Sau đó, T2 và T4 gửi hồ sơ gồm hộ chiếu, ảnh, CCCD cho Nguyễn Văn G, G gửi lại cho P, P tiếp tục gửi hộ chiếu, ảnh, CCCD của các lao động cho K tại khách sạn 79 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Sau đó, K đã báo tin địa chỉ khách sạn cho H2 để H2 cử người đến lấy hồ sơ. Trong thời gian chờ có visa và lịch bay, Nguyễn Thị T2 có người bạn tên Trần Thị L, sinh năm 1990, trú tại thôn Thượng Khê, xã Hưng Tây, Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cũng có nhu cầu đi Mỹ lao động nên T2 đưa L đến gặp Nguyễn Văn G và G cũng tư vấn cho L đi Mỹ theo con đường du lịch như tư vấn với T2 nêu trên với giá 55.000 USD (năm mươi lăm nghìn đô la Mỹ).

Đến đầu tháng 5/2023, Trần K thông báo có Visa và lịch bay của T2 qua Zalo cho P, P báo lại cho G qua Zalo và yêu cầu G thu tiền cọc của T2. Trước khi bay, người của Trần K chủ động đặt khách sạn cho các lao động tập trung tại khách sạn, lấy visa, vé máy bay sau đó tất cả các khâu còn lại là làm theo chỉ dẫn của đường dây Trần K (thông qua người của H2). Ngày 25/5/2023, T2 được hướng dẫn xuất cảnh từ sân bay Nội Bài - Hà Nội sang Malaixia. Ngày 29/5/2023, G gửi vé máy bay qua zalo và hướng dẫn T2 xuất cảnh từ Mailaixia sang Colombia bằng vé máy bay du lịch. Đến Colombia T2 được một người đàn ông nước ngoài (không rõ lai lịch) đón và đưa đi tiếp bằng đường bộ đến Panama và một số quốc gia Trung Mỹ, sau đó đến Mexico và nhập cảnh trái phép vào Mỹ để xin tị nạn nhưng không được chấp thuận và bị trục xuất về nước vào ngày 05/03/2024.

Khi có visa và lịch bay của Trần Thị L thì thông tin được Trần K gửi cho P, P báo lại với G để thông báo L ra Hà Nội chuẩn bị xuất cảnh. Ngày 30/5/2023, L ra Hà Nội. Do Trần Thị L không biết tiếng Anh nên khi L ra Hà Nội để bay theo lịch, Trần K đã nhờ bạn là Đỗ Tuấn H3 (sinh năm 1984, trú tại 96 Nguyễn Thái Học, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội) đưa hộ chiếu và vé máy bay chặng Việt Nam - Malaixia cho Trần Thị L hướng dẫn L thời gian, địa điểm ghi trên vé máy bay. Ngày 02/6/2023, Trần Thị L xuất cảnh sang Malaixia để đi sang Colombia nhưng sang đến Malaixia bị trục trặc nên quay về Việt Nam vào ngày 05/6/2023. Đến ngày 07/6/2023, Trần K tiếp tục sắp xếp cho L đi tiếp từ Việt Nam sang Colombia đến Nicaragoa rồi đi đường rừng qua Hondurat, Guatemalede đến Mexico. Ngày 15/7/2023, L vượt biên từ Mexico vào Mỹ xin tị nạn và bị trục xuất về Việt Nam vào ngày 03/11/2023. Ngày 21/3/2024, Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nghệ An giải quyết. Ngày 28/11/2024, Trần K đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nghệ An để đầu thú.

Đối với người đàn ông tên T4 thì Nguyễn Văn G, Nguyễn Đình P và Trần K khai không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể của người này. Khi xuất cảnh và bị trục xuất

về nước thì Công an Cửa khẩu Nội Bài có thông tin và lấy lời khai với Nguyễn Thị T2 và Trần Thị L nhưng không có thông tin người đàn ông tên T4 và cũng không tra cứu được thông tin xuất nhập cảnh của T4. Trần Thị T2 khai nội dung khi ở Colombia có gặp người tên T4 nhưng không biết lai lịch người này. Theo lời khai của Nguyễn Văn G thì T4 nộp tiền trực tiếp cho Nguyễn Đình P. Theo lời khai của P thì G là người chuyển tiền của T4 cho P (vì P và G làm ăn với nhau nhiều lĩnh lực, nhiều lần chuyển tiền cho nhau trong công việc chứ không phải riêng lần đưa người đi Mỹ nên số tiền chuyển cho nhau nhiều lần không rõ ràng), qua tra cứu thì T4 không chuyển khoản trực tiếp cho G hoặc cho P, khi trả lại tiền cho T4 thì P cũng chuyển khoản vào nhiều số tài khoản người quen của T4 mà T4 cung cấp nên không xác định được số tài khoản của T4. Do không có thông tin cụ thể của người đàn ông tên T4 nên Cơ quan điều tra không làm việc được với người này và không có cơ sở để xác minh, làm rõ nội dung liên quan, xác minh có việc người đàn ông tên T4 đi Mỹ hay không?. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để kết luận K, P, G tổ chức cho người đàn ông tên T4 đi Mỹ trái phép.

Về chi phí để đưa người đi Mỹ để ở lại lao động trái phép:

* Theo thỏa thuận với Nguyễn Văn G, về chi phí T2, L phải nộp cho G tổng số tiền 55.000 USD/người khi nhập cảnh thành công vào Mỹ nhưng T2, L mới nộp cho G mỗi người là 35.000 USD.

- Nguyễn Thị T2 nộp cho Nguyễn Văn G 35.000 USD (tương đương 900.000.000 đồng) thông qua 02 lần giao dịch (lần 1: ngày 05/5/2023, T2 chuyển tiền cho G 300.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank tên NGUYEN THI T2 đến tài khoản ngân hàng Hàng hải của G số tiền 03201019991234 mang tên NGUYENVANG. Lần 2: khi T2 đến Mexico mẹ T2 ở nhà gửi tiền mặt cho G số tiền 600.000.000 đồng).

- Trần Thị L đã nộp cho G 35.000 USD thông qua 03 lần giao dịch (lần 1: L chuyển cho G 300.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Hàng hải của G số tiền 03201019991234 mang tên NGUYENVANG. Lần 2: em gái L là Trần Thị T3 đã nộp trực tiếp cho G 150.000.000 đồng. Lần 3: em gái L là Trần Thị T3 chuyển khoản cho G 550.000.000 đồng).

* Số tiền G nhận của Nguyễn Thị T2 và Trần Thị L thì G chuyển khoản toàn bộ 70.000 USD cho Nguyễn Đình P thông qua tài khoản của Nguyễn Đình P và Nguyễn Đình M (con trai của P). Theo lời khai của G thì người đàn ông tên T4 ở Huế (nộp tiền trực tiếp cho Nguyễn Đình P không thông qua G).

* Nguyễn Đình P khai nhận: Nguyễn Văn G đã chuyển cho Nguyễn Đình P tổng là 105.000 USD của 03 công dân là Nguyễn Thị T2, Trần Thị L và người đàn ông tên T4 (G chuyển khoản thành nhiều đợt, mỗi đợt thành nhiều lần: 15.000 USD, 30.000 USD, 60.000 USD). P đã chuyển cho Trần K 90.000 USD (P giữ lại 15.000

USD). Sau khi các lao động vào trại tị nạn ở Mỹ thì P đã gửi 12.000 USD cho Trần K để thuê luật sư cho 03 lao động. Khi 03 lao động về nước P đã khắc phục cho các lao động, cụ thể: trả lại cho Trần Thị L 37.000 USD (trả lại toàn bộ 35.000 USD mà L đã nộp và hỗ trợ thêm cho L 2.000 USD), trả cho người đàn ông tên T4 35.000 USD (thông qua tài khoản bạn bè, người quen của T4, vì số tài khoản giao dịch nhiều nên P không nhớ những tài khoản này), còn T2 là người yêu của G nên P trả lại bằng cách khấu trừ các khoản tiền trước đây mà P đã nộp cho G để làm cho khách của P đi du học Ba Lan.

* Trần K khai nhận: K nhận từ Nguyễn Đình P tổng cộng là 90.000 USD của 03 lao động. Lần thứ 1: khi K nhận của P 15.000 USD, K đã ra 01 tiệm vàng ở Hà Nội gửi cho H2. Lần thứ 2: P nhiều lần chuyển tiền cho K tổng cộng 15.000 USD, K tiếp tục chuyển tiền cho H2 bằng 02 cách thông qua tiệm vàng và người quen của H2. Lần thứ 3: P chuyển cho K 60.000 USD, K tiếp tục chuyển cho H2 60.000 USD. Khi 03 lao động bị đưa vào trại tị nạn, số tiền mà P chuyển cho K để thuê luật sư K đã chuyển và nhờ người bạn Trung Quốc tên là Jisin đang ở Mỹ để lo cho các lao động ra khỏi trại tị nạn. Sau khi các lao động bị trục xuất về nước, K đã chuyển trả cho P 10.000 USD để khắc phục cho các lao động bằng cách đưa 5.000 USD tiền mặt cho P và chuyển khoản 5.000 USD.

* Đối với vấn đề dân sự trong vụ án hình sự

Nguyễn Thị T2, Trần Thị L được Trần K, Nguyễn Đình P và Nguyễn Văn G tổ chức cho đi Mỹ lao động bằng đường du lịch rồi vượt biên sang Mỹ thì mỗi người đã nộp cho Nguyễn Văn G 35.000 USD, G chuyển cho Nguyễn Đình P và P tiếp tục chuyển cho Trần K. Sau khi các lao động bị trục xuất về Việt Nam thì Nguyễn Đình P đã khắc phục trả lại cho Trần Thị L 37.000 USD (P khai do L hoàn cảnh khó khăn nên được hỗ trợ thêm 2.000 USD). Trần Thị L không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự. Đối với Nguyễn Thị T2, Nguyễn Đình P khai số tiền khắc phục cho T2 được khấu trừ vào khoản tiền Nguyễn Văn G vay mượn của Nguyễn Đình P. Nguyễn Văn G (là người nộp tiền của T2 cho P) không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự, còn Nguyễn Thị T2 không có mặt tại địa P, cơ quan điều tra chưa làm việc được với T2. Sau khi các lao động sang đến Mỹ và bị giam trong trại tị nạn Nguyễn Đình P đã chuyển cho Trần K số tiền khoảng 12.000 USD để lo chi phí thuê luật sư. Trần K đã chuyển cho Nguyễn Đình P 10.000 USD để khắc phục cho các lao động, số tiền còn lại K xin được trả dần.

* Về vật chứng, gồm: 01 hộ chiếu thu giữ của Trần Thị L, 01 hộ chiếu của Nguyễn Thị T2 được bảo quản theo hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 128/CT-VKS-P1 ngày 12/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố các bị cáo Trần K, Nguyễn Đình P về tội

“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần K và Nguyễn Đình P đều thừa nhận hành vi phạm tội của minh và đều khai nhận trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bị cáo Trần K đã chuyển thêm cho bị cáo Nguyễn Đình P số tiền 100.000.000 đồng để trả lại cho chị L, chị T2 và anh T4.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 349, điểm s, b, t khoản 1,2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: các bị cáo Trần K và Nguyễn Đình P, mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, lưu trữ tại hồ sơ vụ án hộ chiếu của chị Trần Thị L và chị Nguyễn Thị T2. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định và hành vi tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần K, Nguyễn Đình P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 25/5/2023 và ngày 07/6/2023, các bị cáo Trần K, Nguyễn Đình P cùng với Nguyễn Văn G không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trong việc tư vấn, tuyển dụng đưa người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nhưng vì động cơ vụ lợi đã tư vấn, nhận tiền, hồ sơ tổ chức cho chị Nguyễn Thị T2 và chị Trần Thị L trốn sang Mỹ để ở lại lao động bất

hợp pháp bằng hình thức đi du lịch từ Việt Nam đến Colombia, từ Colombia qua Panama, Mexico rồi nhập cảnh trái phép vào nước Mỹ với chi phí 55.000 USD/người. Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần K và Nguyễn Đình P đã phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, mà còn gây tác hại đến chính sách hợp tác lao động giữa Nhà nước ta với các nước khác, đồng thời làm xấu hình ảnh người lao động Việt Nam trong nhìn nhận, đánh giá của chính phủ các nước đối với nước ta về người lao động. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, làm bài học giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Trần K và bị cáo Nguyễn Đình P đều là người thực hành tổ chức cho 02 công dân trốn đi nước ngoài nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Trần K có các tình tiết giảm nhẹ: đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục chuyển cho bị cáo P 10.000 USD và 100.000.000 đồng để trả lại cho các chị L, chị T2 và anh T4; có công giúp cơ quan Công an xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bắt giữ tội phạm, được UBND xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tặng giấy khen.

Bị cáo Nguyễn Đình P có nhiều tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cung cấp thông tin để cơ quan điều tra củng cố chứng cứ, mở rộng điều tra vụ án khởi tố thêm 02 bị cáo (Nguyễn Văn G và Trần K); tự nguyện khắc phục đầy đủ số tiền các lao động đã nộp; có bố đẻ là ông Nguyễn Đình V và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Đ2 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; có vợ là chị Nguyễn Thị Hồng T được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình tặng Bằng khen thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục đào tạo; bản thân bị cáo có quyết định khen thưởng của UBND xã Đồng Trạch vì *"đã có thành tích trong việc thực hiện giao nộp vũ khí, vật liệu nổ"*, được UBND xã Đại Trạch có quyết định khen thưởng trong phong trào thi đua *"xóa nhà tạm, nhà dột nát"* và nhiều giấy chứng nhận có thành tích trong việc ủng hộ người nghèo, ủng hộ nông thôn mới. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo Trần K có nhân thân tốt, bị cáo Nguyễn Đình P trước đây đã bị xét xử nhưng đã được xóa án tích, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo cải tạo tại địa P như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm và thể hiện tính chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chưa thu lợi bất chính, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trần K, Nguyễn Đình P đã trả lại cho chị L toàn bộ số tiền các bị cáo đã thu. Nay, chị L không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chị T2, bị cáo P trình bày đã khấu trừ vào số tiền Nguyễn Văn G vay mượn, tuy nhiên quá trình điều tra chị T2 vắng mặt chưa có ý kiến gì nên dành quyền khởi kiện cho chị T2 bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[7] Về vật chứng: 02 quyển Hộ chiếu thu giữ của chị L, chị T2 là giấy tờ cá nhân của các chị nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[8] Đối với Nguyễn Văn G, mặc dù không có chức năng đưa công dân Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và biết được việc Nguyễn Thị T2, Trần Thị L không thể đi theo diện xuất khẩu lao động sang Mỹ, từ đầu năm 2023, Nguyễn Văn G trực tiếp tư vấn, nhận số tiền là 90.000 USD và chuyển hồ sơ cho Nguyễn Đình P để tổ chức đưa T2 và L sang Mỹ bằng hình thức du lịch qua nhiều nước nhằm mục đích trốn ở lại Mỹ lao động bất hợp pháp. Nguyễn Văn G đã bị khởi tố về tội *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài"* quy định tại khoản 2, Điều 349 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Văn G bỏ trốn khỏi địa P. Ngày 18/3/2025, Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn G, tách hành vi của Nguyễn Văn G thành một vụ án riêng, khi bắt được bị can sẽ xử lý sau.

[9] Đối với người tên H2 ở Cộng hòa liên bang Đức: Quá trình điều tra Trần K khai đã liên hệ với một người tên H2 gốc Nghệ An đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức để làm thủ tục và đưa Trần Thị L, Nguyễn Thị T2 đi Mỹ lao động. Tuy nhiên K không biết được lai lịch, địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên H2 nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

[10] Đối với Đỗ Tuấn H3: Đỗ Tuấn H3 có quan hệ bạn bè và làm ăn cùng với Trần K tại công ty vận tải. Tuy nhiên theo lời khai của Trần K và Đỗ Tuấn H3 thì do Hiệp biết tiếng Anh nên Trần K chỉ nhờ Hiệp đưa hộ chiếu, vé máy bay, hướng dẫn nội dung trên vé bay chặng Việt Nam - Malaixia, ngoài ra không biết gì về nội dung bàn bạc thỏa thuận của L và những người khác về việc tổ chức cho L đi Mỹ

nhằm mục đích trốn ở lại lao động bất hợp pháp nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[11] Đối với Nguyễn Đình M: là con trai của Nguyễn Đình P. Trong quá trình tổ chức cho T2, L xuất cảnh sang Mỹ thì thời điểm tháng 6/2023, Nguyễn Đình P đang ở Đức nên việc giao dịch tiền sử dụng tài khoản của con trai là Nguyễn Đình M. Theo lời khai của bị can Nguyễn Đình P và Nguyễn Đình M thì việc nhận tiền của Nguyễn Văn G và chuyển tiền cho Trần K là Minh được bố nhờ chứ không biết được nội dung công việc của Nguyễn Đình P, quá trình điều tra không thu thập thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Đình M.

[12] Đối với người tên T4 ở Huế: mặc dù cả 02 bị cáo và G đều khai có nhận tiền và hồ sơ của T4 để tổ chức đưa đi Mỹ lao động cùng với T2 và L nhưng không đưa ra được thông tin cá nhân cụ thể của người này, Trần Thị T2 có khai nội dung khi sang đến Colombia có gặp các khách đi có người tên T4, đồng thời Nguyễn Đình P khai đã khắc phục toàn bộ số tiền 35.000 USD cho T4 (trả qua nhiều tài khoản của nhiều người P không nhớ rõ), số tiền giao dịch cũng phù hợp với số tiền thỏa thuận tổ chức cho 3 lao động đi Mỹ. Do không có thông tin cụ thể nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, làm việc với người đàn ông tên T4 làm rõ nội dung liên quan.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 349, điểm s, b, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, 58, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo **Trần K 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, cho hưởng án treo** về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài", thời gian thử thách 50 (Năm mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 349, điểm s, b, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, 58, 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình P 25 (Hai mươi lăm) tháng tù, cho hưởng án treo** về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài", thời gian thử thách 50 (Năm mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần K cho UBND xã Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội; Giao bị cáo Nguyễn Đình P cho UBND xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo nào vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp

hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho chị Trần Thị L 01 quyển hộ chiếu mang tên Trần Thị L; trả lại cho chị Nguyễn Thị T2 quyển hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị T2 hiện đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần K, Nguyễn Đình P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo lên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXX phúc thẩm tại HN
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan ANĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THAHS Công an Nghệ An
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội;
- UBND xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS, VP, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Từ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Dương Thanh Cảnh	**Mai Xuân Thường**	**Nguyễn Thị Thu Từ**